

**HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ VIETPRO**

# **CSS BUỔI 1**

**Giảng viên: Đoàn Việt Quân**

# TỔNG QUAN VỀ CSS

## 1. Giới thiệu về CSS

**CSS là gì?**

- ✓ CSS là từ viết tắt của cụm từ Cascading Style Sheets, là một ngôn ngữ quy định cách trình bày cho các tài liệu viết bằng HTML, XHTML, XML...

# TỔNG QUAN VỀ CSS

## CSS làm gì?

- ✓ CSS bổ sung và hoàn thiện những điểm còn thiếu trong các văn bản HTML
- ✓ Tạo ra những khuôn mẫu bên ngoài, giúp dễ dàng chỉnh sửa và thay đổi...
- ✓ Giúp chúng ta dễ dàng trình bày nội dung một cách phức tạp và tinh vi nhất

# TỔNG QUAN VỀ CSS

## Công cụ

- ✓ Soạn thảo CSS bằng Notepad, Notepad++,...
- ✓ Addon Colozilla
- ✓ Addon measurelt

# TỔNG QUAN VỀ CSS

## 2. Cú pháp sử dụng CSS

### Khai báo CSS nội tuyến

- ✓ CSS nội tuyến là việc xây dựng các mã lệnh CSS ngay bên trong các thẻ HTML
- ✓ **Cú pháp**  
Style= “ Vùng viết mã CSS ”

# TỔNG QUAN VỀ CSS

## Khai báo CSS trong phần Head của văn bản HTML

- ✓ Xây dựng các mã lệnh CSS nằm bên trong phần Head của văn bản HTML thông qua cặp thẻ `<style></style>`
- ✓ **Cú pháp**  
`<style>` Vùng viết mã CSS `</style>`

# TỔNG QUAN VỀ CSS

## Khai báo CSS ra một file riêng

- ✓ Xây dựng các mã CSS trong một file riêng biệt có định dạng (.css) và sau đó triệu gọi vào file HTML

- ✓ **Cú pháp**

`<link rel= "stylesheet" type="text/css" href="đường_dẫn_file_CSS" />`

# TỔNG QUAN VỀ CSS

## Chú thích trong CSS

- ✓ Để chú thích nội dung trong CSS ta sử dụng cú pháp sau

*/\* Nội dung chú thích \*/*

- ✓ **Lưu ý**

CSS nội tuyến > CSS bên ngoài > CSS bên trong > CSS mặc định của trình duyệt



# BỐ CỤC VÀ CÁC THÀNH PHẦN TRONG CSS

## 1. Thuộc tính Width

- ✓ Thuộc tính **width** xác định độ rộng của một vùng (độ rộng này không bao gồm border, padding, margin)
- ✓ Giá trị của thuộc tính width là giá trị độ dài
- ✓ **Cú pháp**  
width = “giá\_trị”

# BỐ CỤC VÀ CÁC THÀNH PHẦN TRONG CSS

## 2. Thuộc tính Height

- ✓ Thuộc tính **height** xác định độ rộng của một vùng (độ rộng này không bao gồm border, padding, margin)
- ✓ Giá trị của thuộc tính height là giá trị độ dài
- ✓ **Cú pháp**  
height = “giá\_trị”

# BỐ CỤC VÀ CÁC THÀNH PHẦN TRONG CSS

## 3. Thuộc tính Float

- ✓ Thuộc tính **float** dùng để xác định vị trí của một thành phần nằm về bên trái hoặc bên phải so với thành phần bao ngoài và tạo ra không gian trống ở bên còn lại (nếu có)



# BỐ CỤC VÀ CÁC THÀNH PHẦN TRONG CSS

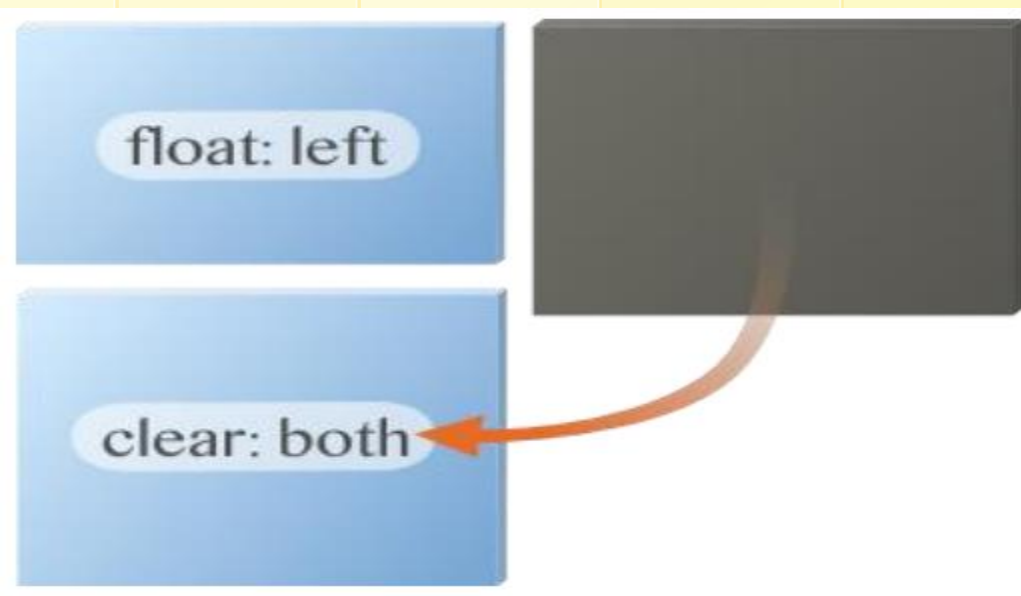
## 3. Thuộc tính Float

- ✓ Giá trị của thuộc tính Float là
  - **Left** : nằm bên trái
  - **Right**: nằm bên phải
  - **None**: mặc định
- ✓ **Cú pháp**  
Float = “giá\_trị”

# BỒ CỤC VÀ CÁC THÀNH PHẦN TRONG CSS

## 4. Thuộc tính Clear

- ✓ Thuộc tính **clear** có tác dụng ngăn cản việc tràn lên do thuộc tính float tạo ra



# BỘ CỤC VÀ CÁC THÀNH PHẦN TRONG CSS

## 4 . Thuộc tính Clear

- ✓ Giá trị của thuộc tính Clear
  - **Left:** ngăn việc float bên trái
  - **Right:** ngăn việc float bên phải
  - **Both:** ngăn việc float 2 bên
  - **None:** không thực hiện clear

- ✓ **Cú pháp**  
Clear = “giá\_trị”

# PHÔNG NỀN TRONG CSS

## 1. Thuộc tính Background-color

- ✓ Thuộc tính **background-color** dùng để thiết lập màu nền cho một phân vùng nhất định
- ✓ Giá trị của thuộc tính background-color là tên màu hoặc mã màu
- ✓ **Cú pháp**  
Selector { background-color: tên\_màu/ mã màu ; }

# PHÔNG NỀN TRONG CSS

## 2. Thuộc tính Background-image

- ✓ Thuộc tính **background-image** dùng để thiết lập hình nền cho một phân vùng nhất định
- ✓ Giá trị của thuộc tính background-image là đường dẫn ảnh nền
- ✓ **Cú pháp**  
Selector { background-image: url(đường\_dẫn\_ảnh); }



# PHÔNG NỀN TRONG CSS

## 3. Thuộc tính Background-repeat

- ✓ Thuộc tính **background-repeat** dùng để thiết lập việc lặp lại ảnh nền
- ✓ Giá trị của thuộc tính background-repeat
  - **Repeat-x** : Lặp ảnh nền theo chiều ngang
  - **Repeat-y**: Lặp ảnh nền theo chiều dọc
  - **Repeat**: Lặp ảnh nền theo 2 chiều
  - **No-repeat**: Không lặp
- ✓ **Cú pháp**  
Selector { background-repeat: giá\_trị ;}

# PHÔNG NỀN TRONG CSS

## 4. Thuộc tính Background-attachment

- ✓ Thuộc tính **background-attachment** dùng để thiết lập hình nền được cố định hay cuộn theo thanh cuộn trang
- ✓ Giá trị của thuộc tính background-attachment
  - **Fixed** : Cố định ảnh nền tại một vị trí xác định
  - **Scroll**: Ảnh nền tự động bị cuộn theo thanh cuộn
- ✓ **Cú pháp**  
Selector { background-attachment: giá\_trị; }

# PHÔNG NỀN TRONG CSS

## 5. Thuộc tính Background-position

- ✓ Thuộc tính **background-position** dùng để thiết lập vị trí ảnh nền
- ✓ Giá trị của thuộc tính background-position
  - **Độ dài** : px, cm, % ...
  - **Vị trí** : left, right, top, bottom, center
- ✓ **Cú pháp**  
Selector { background-position: giá\_trị\_1 giá\_trị\_2; }

**HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ VIETPRO**

**CHÚC CÁC BẠN HỌC TẬP TỐT**